TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 301/2024/HNGĐ-ST
Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Về việc: Không công nhận vợ chồng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kiều Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Hoàng Kha

Ông Trương Công Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Bích Như là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 31 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 644/2024/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2024 về việc: Ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 371/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1977 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã H, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị O, sinh năm 1977 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã H, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn H trình bày:

- Về hôn nhân: Ông và bà Nguyễn Thị O chung sống vợ chồng với nhau vào năm 1999, hôn nhân tự nguyện nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Quá trình chung sống vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng đã ly thân khoảng 06 năm nay. Nhận thấy cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài nên ông yêu cầu được ly hôn với bà O.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 người con chung tên Nguyễn Vủ L, sinh năm 1999 và Nguyễn Bích D, sinh năm 2002. Các con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Bị đơn bà Nguyễn Thị O trình bày:

Theo giấy triệu tập của Tòa án có ghi địa chỉ của bà là ấp Bình Thành, xã Định Bình, thành phố cà Mau là không đúng. Bà hiện nay đang cư trú tại địa chỉ ấp T, xã H, thành phố Cà Mau. Về nội dung vụ án bà trình bày như sau:

- Về hôn nhân: Bà thống nhất với lời trình bày của ông Nguyễn Văn H về thời điểm kết hôn, hôn nhân tự nguyện nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Bà xác định nguyên nhân mâu thuẫn như ông H trình bày là đúng. Hôn nhân không còn hạnh phúc nên bà đồng ý ly hôn với ông H.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 người con chung như ông H trình bày là đúng. Các con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị O có yêu cầu xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị O chung sống vợ chồng với nhau vào năm 1999, hôn nhân tự nguyện nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật được sự thống nhất của các đương sự. Do đó, hôn nhân giữa ông H và bà O là không hợp pháp, không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Nay ông H và bà O thống nhất chấm dứt mối quan hệ hôn nhân nên Tòa án không công nhận ông H và bà O là vợ chồng.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 02 người con chung tên Nguyễn Vủ L, sinh năm 1999 và Nguyễn Bích D, sinh năm 2002. Các con chung đã trưởng thành nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Ông H và bà O xác định không có nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn H phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 14, 15 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Về hôn nhân: Không công nhận ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị O là vợ chồng.

2. Về con chung: Đã trưởng thành nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Ông Nguyễn Văn H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình

sơ thẩm 300.000 đồng. Ngày 29/11/2024 ông H đã nộp tạm ứng 300.000 đồng theo biên lai số 0009806 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau được chuyển thu đối trừ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm, nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND thành phố Cà Mau;
- Chi cục THADS thành phố Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Kiều Trang